

Góc nhìn Phật giáo và Nho giáo trong thi ca về chủ đề thiên nhiên

ISSN: 2734-9195 10:35 27/06/2025

Con đường Nho giáo là con đường triết lý nhân sinh, còn Phật giáo là con đường triết lý bản thể. Những triết lý về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong Nho - Phật ảnh hưởng đến lối sống hài hòa, tôn trọng tự nhiên của người Việt.

Thiên nhiên là đề tài của thi ca các thời đại, có nhiều quan điểm viết về thiên nhiên, theo quan điểm của Phật giáo, thiên nhiên là một đường tròn, không có khởi đầu hay kết thúc gọi là vô thủy vô chung. Vòng tròn thường xuyên chuyển động gọi là bánh xe luân hồi.

Trong khi đó, theo quan niệm Nho giáo, thiên nhiên là nơi gìn giữ khí tiết, gột rửa tâm hồn, thậm chí là nơi nương tựa trong những khúc quanh bất trắc chốn quan trường... trở về thiên nhiên chính là trở về nguồn cội.

Trong quan niệm triết học Phật giáo, thiên nhiên được lý giải như sự hình thành, vận động của sự vật. Giáo lý Duyên khởi của đạo Phật đã toát lên mối tương quan giữa các hiện tượng tự nhiên, nhân sinh và vũ trụ. Mọi loài sống trên trái đất đều có quan hệ gắn bó, hỗ tương nhau, cái này có nên cái kia có, cái này sinh nên cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia diệt.

Trong giáo lý Tứ diệu đế, đức Phật chỉ ra quy trình dẫn đến khổ và những bước diệt khổ để ra khỏi luân hồi. Con người không tách rời thiên nhiên mà hòa đồng với thiên nhiên (chết hóa thân vào thiên nhiên). Hơn thế, trong thơ ca nói về thiên nhiên, văn học Phật giáo, các thi nhân Việt Nam viết bằng hai cách, thứ nhất xem thiên nhiên là đối tượng thẩm mỹ chú trọng đến cái đẹp của thiên nhiên.

Hình ảnh hoa sen bước vào trong thế giới thơ thiền, biểu tượng trong sạch tuyệt đối, vượt qua mọi nhơ bẩn và tham nhiễm như bài thơ của thiền sư Phật Giám.



Hình minh họa tạo bởi AI

“Hương bao lãnh thấu ba tâm nguyệt

Lục diệp khinh diêu thủy diện phong

Xuất vị xuất thời quân khán thủ

Đô lô chỉ tại nhất trì trung”.

Dưới ánh trăng, búp sen từ nơi sóng nước lạnh lẽo nhô lên. Lá sen xanh bị gió lay nhẹ nhẹ trên mặt nước. Hãy xem hoa sen lúc ra khỏi và chưa ra khỏi mặt nước, cũng đều nằm trong chiếc ao này.

Hình ảnh hoa sen mọc trong vùng ao nhỏ là một ẩn dụ tinh tế về bản thể tràn trề len lỏi trong mọi thực tại. Ao nước lúc này cùng với hoa sen tạo ra một biểu tượng kép về sự huyền diệu của chân như.

Bên cạnh hoa sen thì hoa mai, hoa cúc, ánh trăng cũng là biểu tượng thiên nhiên được các nhà thi sĩ tâm sự cùng.

Trong chùm thơ về hoa cúc, Huyền Quang thiền sư hai lần nhắc đến hoa mai nhằm so sánh sự hồn nhiên của hoa cúc.

“Đại giang vô mộng cán khô tràng

Bách vịnh mai hoa nhượng hảo trang

Lão khứ sầu thu ngâm vị ổn

Thi biểu thực vị cúc hoa mang”.

Không mơ lấy nước sông lớn rửa tắc lòng khô héo. Hoa mai từng được trăm bài thơ vịnh kia nhường vẻ đẹp. Già rồi buồn vì thu, chưa làm thơ được. Nhưng túi thơ bầu rượu thật vì hoa cúc mà bận rộn. Thiên nhiên hòa vào nỗi lòng tâm sự của nhà thơ. Huyền quang cảm thấy trong các loài hoa khác, gồm hoa mai, dù thường được các thi nhân tán vịnh, vẫn còn cái gì đó khiếm khuyết, nên ngâm hoài mà vẫn chưa ổn, không nghe ở đó có tiếng nói vô sinh.

Giữa lúc đó, vào tiết thu se lạnh thì hoa cúc bùng nở sáng lên như đứng vững với thời gian, chính không cảnh đó đã bắt gặp một Huyền Quang nghệ sĩ với câu chuyện bản thân còn mang một mối sầu thu, làm thơ chưa thành và trong cơn mơ tưởng lấy nước sông lớn rửa tắc lòng khô héo trong khi mình đã già rồi.

Huyền Quang đã rung cảm trước mùa thu, những tiếng thơ được ngân lên, ngâm nga theo từng cung bậc cảm xúc nhưng ông vẫn không thấy hài lòng thỏa mãn.

Ông lại tự bạch với chính mình *“ngâm vị ổn”* đó là một sự dần xé nội tâm. *“Thi biểu thực vị cúc hoa mang”* lại là một sự thừa nhận, không chỉ bởi mùa thu, mà chính hoa cúc đã làm ông bối rối. Hoa cúc đẹp hay tại vì ông quá say mê, có lẽ cả hai.

Thiên nhiên được Huyền Quang miêu tả rất sinh động và đẹp đẽ với sự mặn cảm đặc biệt trong việc cảm nhận thiên nhiên. Ông đã hòa mình vào thiên nhiên lấy thiên nhiên bầu bạn:

“Dục hướng thương thương vấn sở tông,

Lắm nhiên cơ trí tuyết sơn trung”

Muốn ngẩng nhìn trời xanh hỏi hoa mai từ đâu tới. Lắm liệt đứng sừng sững một mình trong núi tuyết.

Huyền Quang lại nhìn tất cả bằng con mắt thấu thị. Với thiên nhiên, tâm hồn thi sĩ dường như có thể hiểu được tâm tư, suy nghĩ của từng cành hoa, cây cỏ với một cái nhìn tinh tế của một thi sĩ thiên sư, thể hiện qua bài thơ Thứ Bảo Khánh tự bích gian đề:

“Hoang thảo tàn yên dã tứ đa,

Nam lâu Bắc quán tịch dương tà.

Xuân vô chủ tích thi vô liệu

Sầu tuyết Đông phong kỷ thu hoa,”

Cỏ hoang khói nhạt, tứ quê chan chứa, Lầu Nam quán Bắc dưới bóng chiều tà. Tiếc thay cảnh xuân không có chủ, thơ không có nguồn thơ, mấy cây thơ buồn bã trước gió xuân. Đọc bài thơ ta có cảm giác như Huyền Quang có thể giao tiếp với thiên nhiên như với con người, thậm chí là với một người bạn. Thi sĩ đã nhập hồn mình vào cảnh mà nói hộ những niềm vui, nỗi buồn cho từng cảnh hoa, cây cỏ. Để rồi qua đó, người bộc lộ sự đồng cảm, tiếc nuối trước một thiên nhiên tươi đẹp nhưng thiếu người tinh tế, nhạy cảm thưởng thức, sẻ chia mà để cho cảnh đẹp ấy phí hoài.

Thứ hai, là xem thiên nhiên là đối tượng triết lý như trong bài thơ của Thiền sư Hương Hải:

“Nhận quá trường không

Ảnh trầm hàn thủy

Nhận vô di tích chi chí

Thủy vô ảnh chi tâm”

Mượn hình ảnh thiên nhiên để trình bày một triết lý sống đó là triết lý tính không. Bức tranh thiên nhiên hiện ra, nhận bay qua sông bóng in dưới đáy sông. Cánh chim nhận thông dong bay trên không, ảnh của chim hiện trong nước.

Ảnh chỉ hiện đúng được khi sóng (niệm) lặng, mà chim nhận (hay vật, cảnh, pháp) không có ý lưu dấu lại hình ảnh của mình (đây là chỗ mây rồi sẽ bay qua đi, sóng rồi sẽ lặng xuống, bụi vốn không thật là bụi, niệm vốn thật vô tự tính). Mặt nước (tính của tâm) cũng không có tâm (vô tâm, hay tâm của người giác ngộ) lại lưu bóng chim nhận (cảnh tự trụ cảnh, niệm thì cứ việc khởi, nhưng trí đã sáng, cho nên lưu lại mà không hay).

Đây là cảnh giới vô tâm, cánh chim nhận (cảnh hay pháp) thấy được là không (pháp vốn tự tính) rồi, và nước (khi bất sóng, vô tâm) hiển nhiên hiện ảnh (nhận đến thì hiện nhận) mà không hề khởi tâm (tâm đã không thì lấy gì để khởi), mà cũng không có tâm lưu ảnh (thấy được tính của pháp là vô tự tính, tính của niệm là vô tự tính hay niệm mà vẫn hằng vô niệm, tâm của người giác ngộ thì lấy tâm nào để mà lưu ảnh).



Hình minh họa tạo bởi AI

Phật giáo cho rằng, con người là một tiểu thiên, vũ trụ là một đại thiên, do đó con người mang những đặc tính của vũ trụ. Mà tiểu thiên và đại thiên vũ trụ đều biến đổi tuần hoàn theo bốn vòng quay đều đặn: sinh, trụ, di, diệt (thành, trụ, hoại, không). Con người chính là vũ trụ (đại thiên) thu nhỏ, do đó muốn hiểu được vũ trụ (thiên nhiên) thì phải hiểu được con người.

Một trong những chủ đề cơ bản củ tư duy Phật giáo là phân tích con người nhằm tìm ra con đường giải thoát. Sự tác động qua lại giữa con người và thế giới tự nhiên được đức Phật gọi là Nhân duyên *“Chư pháp tùng duyên sinh, chư pháp tùng duyên diệt. Mọi vật sinh ra hay mất đi đều bởi nhân duyên”*. Ý nghĩa quan trọng của nguyên lý Nhân duyên là ở chỗ mọi hành vi đều gây ra hậu quả tất yếu của nó.

Quy luật Nhân - Quả không chỉ đúng cho tâm lý con người, mà còn đúng cho cả thế giới vật lý. Do đó, Phật giáo đều khuyên con người gieo nhân thiện để gặt quả lành, chứ đừng gieo gió gặt bão.

Còn theo Nho giáo, thế giới tự nhiên được sinh ra từ ông trời, đồng thời ông trời có đủ năng lực để điều khiển muôn loài tự nhiên. Cho nên nói tất cả vạn vật đều do trời sinh ra, sống theo ý trời. Con người và thế giới là bị động lệ thuộc vào trời, thuận theo ý trời với quy luật tự nhiên. Nho giáo (thời Khổng Tử) quan niệm rằng, giữa trời và người có mối quan hệ tương hỗ. Tức là, các hiện tượng tự nhiên có ảnh hưởng đến đạo đức con người và ngược lại, đạo đức của con người cũng có tác động đến tự nhiên, trời và người hợp lại thành một. *Kinh Thư*, Thiên Hồng Phạm viết: *“Đúng đắn thì mưa phải thời, mưu trí thì lạnh phải thời, thánh minh thì gió phải thời”* hay *“ngông cuồng thì mưa tuôn, tiếm loạn thì nắng luôn,*

nóng nấy thì lạnh luôn, uế oải thì ấm luôn, u mê thì gió luôn". Chính vì lẽ đó, Khổng Tử chủ trương giáo hóa con người phải tôn trọng tự nhiên, sống hòa hợp với thiên nhiên thì thiên nhiên cảm ứng cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, con người được ấm no, hạnh phúc.

Nho giáo (thời Tuân Tử) lại chủ trương "*Thiên nhân bất tương quan*". Tuân Tử cũng tin có trời, nhưng cho rằng giữa trời và người không có quan hệ gì với nhau. Ông cho rằng cái Đạo của người cần phải chế ngự thiên nhiên mà dùng mà sống, phải biết dùng tài trí của mình làm cho muôn vật trở nên giàu có. Nhờ chế ngự được trời đất nên người xứ này mới có sự vật của những xứ khác để dùng, người ở biển có cây trên núi, người trên núi có cá dưới biển, con người trở nên mạnh như hổ, nhanh như ngựa đó vẫn là hòa mình với thiên nhiên. Muốn chế ngự thiên nhiên, con người phải biết hợp quần, mà muốn hợp quần thì phải có lễ nghĩa, không có lễ nghĩa thì tất sinh loạn, mà loạn thì yếu. Đây là điểm khác biệt giữa quan niệm Nho giáo và Phật giáo.

Qua những luận điểm trên cho ta thấy nét khác nhau trong quan niệm về thiên nhiên giữa tư tưởng Phật giáo và Nho giáo đó là: Nho giáo thiên nhiên mang ý nghĩa ẩn dụ khác. Phật giáo ẩn dụ mang ý nghĩa xuất thực. Phật giáo có những triết lý về tính không còn Nho giáo nghiêng về cái hiện thực bách thế lưu phương, làm sao để mình lưu danh chứ không như "*Nhận vô di tích chi ý, Thủy vô lưu danh chi tâm*". Đối với Phật giáo, thiên nhiên có sự giao cảm, cộng hưởng tinh thần hòa điệu với vũ trụ, với tâm trong trẻo thấy rõ bản thể của trời đất vạn vật xưa nay. Dẫn đến sự phá chấp triệt để đem lại cho dòng thơ Phật giáo tự do nhiều sự sáng tạo về nội dung và hình thức. Còn Nho giáo bị ràng buộc kỷ cương đạo lý tam cương, ngũ thường và mọi ước lệ xã hội phong kiến tất cả đều quy phục. Về mặt không gian thì quan niệm Nho giáo thiên nhiên hùng vĩ, ý chí cao vời của người chí sĩ. Mặc dù cùng một không gian rộng lớn mênh mông Nho giáo lòng đậm cảm xúc vui buồn lẫn lộn. Còn đối với Phật giáo, không gian là bản thể vũ trụ, cùng với sự hòa điệu vạn vật, diện mạo đích thực, thể hiện sự bình đẳng thanh tịnh, lắng đọng.

Tóm lại, tất cả những quan điểm nhìn nhận về thiên nhiên ở trên, cả Phật - Nho đều có cội nguồn khác nhau về triết học. Tuy nhiên mục đích mọi triết học xét đến cùng đều đồng quy một điểm giúp con người đến hạnh phúc. Sự khác nhau ở chỗ là con đường đi đến, con đường Nho giáo là con đường triết lý nhân sinh, còn Phật giáo là con đường triết lý bản thể.

Triết lý về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong Nho - Phật ảnh hưởng đến lối sống hài hòa, tôn trọng tự nhiên của người Việt.

Khuynh hướng tìm cảm hứng tinh thần trong cảm giác hòa hợp với thế giới tự nhiên đã trang bị cho người Việt một sự nhận thức bước đầu về tự nhiên, biết nắm lấy bản thể cốt lõi của thiên nhiên mà hành động cho phù hợp với cuộc sống mưu sinh của mình, vận dụng những tri thức về tự nhiên làm chủ và tự do trước thiên nhiên, để biết xây nhà theo hướng nào có lợi cho sức khỏe, biết tự điều hòa khí âm, khí dương, ái, ố, hỷ, nộ...trong con người sinh học của mình để hài hòa với tự nhiên, hòa quyện với thiên nhiên thành một thể thống nhất của kiếp nhân sinh.

Tác giả: **Phạm Thị Bèo (Thích nữ Thanh Trang)**

Học viên Thạc sĩ khóa II, chuyên ngành Văn học Phật giáo, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế